

Bản án số: 44 /2019/HNGĐ – ST

Ngày: 28-6-2019

"V/v Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông An Bắc Lùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: chị Võ Thị Thanh T, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: anh Nguyễn Minh K, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Hiện đang chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại Cở sở B(xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước)

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2019 và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T trình bày: Chị và Nguyễn Minh K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 09 tháng 12 năm 2015. Thời gian đầu chị và anh K chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

chị và anh K không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh chị mâu thuẫn về kinh tế, làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã làm mất tình cảm. Chị và anh K đã sống ly thân liên tục từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh K, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh K có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có.

Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện thì chị bổ sung yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014 số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu A thành niên. Tại biên bản lời khai chị có ý kiến nếu anh K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu A thì chị cũng đồng ý với ý kiến của anh K, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu A. Nguyên đơn chị T xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Bị đơn anh Nguyễn Minh K trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không có sự hòa hợp trong ứng xử sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng mâu thuẫn về phát triển kinh tế, làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K không đồng ý với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu A, vì hiện nay anh đang cấp hành Quyết định cai nghiện, anh không có thu nhập để cấp dưỡng nuôi cháu A; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có. Bị đơn anh K xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Không có ý kiến gì; Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh K. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản: không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ: Không có. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Minh K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước ngày 09 tháng 12 năm 2015. Giữa chị T và anh K có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện nay, chị T và anh K đều có nơi cư trú tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa chị T và anh K là tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh K:

Chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Minh K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày ngày 09 tháng 12 năm 2015 tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian chung sống thì giữa chị T và anh K có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không có sự hòa hợp trong ứng xử sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng mâu thuẫn về phát triển kinh tế, làm ăn. Từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, làm mất tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh K.

[3]Về con chung: Anh K và chị T có 01 người con chung, họ tên là Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014. Sau khi ly hôn nguyên đơn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, bị đơn anh K đồng ý giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu A còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ nên cần giao cháu A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4]Về cấp dưỡng: Tại đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện thì chị bổ sung yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014 số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu A thành niên. Tại biên bản lời khai bị đơn anh K không đồng ý với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu A, vì hiện nay anh đang cấp hành Quyết định cai nghiện, anh không có thu nhập để cấp dưỡng nuôi cháu A. Tại biên bản lời khai chị T có ý kiến nếu anh K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu A thì chị cũng đồng ý với ý kiến của anh K, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu A. Như vậy, hiện nay nguyên đơn chị T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]Về nợ: Không có. Không yêu cầu nên không xem xét.

[7]Tại phiên tòa quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Nhật A, sinh ngày 01/4/2014 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về nợ: Không có.

6. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số 0009373 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

